TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-VĨNH LONG** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 217/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23-07-2026
"*V/v không công nhận quan hệ vợ chồng*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Hải
2. Ông Lưu Trí Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyến – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Vĩnh Long tham gia phiên toà*:** Không.

Trong ngày 23 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2026/TLST-HNGĐ, ngày 08/04/2026 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/06/2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 225/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 01/07/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1963 (xin vắng)

Nơi cư trú: ấp A (*ấp C cũ*), xã Cái Ngang, tỉnh Vĩnh Long

- *Bị đơn*: Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp A (*ấp C cũ*), xã Cái Ngang, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/03/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Vào khoảng năm 1995 qua tìm hiểu ông và bà Phạm Thị L tiến tới hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2019 thì có phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến thường xuyên cự cãi, từ đó nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng đến nay không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nay ông

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị L.

Về con chung: Ông và bà Phạm Thị L có 02 người con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh năm 1996 và Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn bà Phạm Thị L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không trình bày.

- Trong đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/06/2026, nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Phạm Thị L. Về con chung: Ông và bà Phạm Thị L có 02 người con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh năm 1996 và Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài các yêu cầu trên, các đương sự không có yêu cầu nào khác và cũng không có cung cấp tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu ly hôn, tuy nhiên do ông và bà L không có đăng ký kết hôn, nên xác định quan hệ pháp luật là "*Không công nhận quan hệ vợ chồng*"; bị đơn bà Phạm Thị L cư trú tại ấp A (*ấp C cũ*), xã B, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Phạm Thị L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử thống nhất đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về pháp luật nội dung:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Xét thấy ông B và bà L có quen biết tìm hiểu nhau rồi tự nguyện sống chung như vợ chồng, nhưng không có đăng ký kết hôn, tại biên bản xác nhận của Ủy Ban nhân dân xã B, tỉnh Vĩnh Long xác nhận ông B và bà L không có đăng ký kết

hôn như lời trình bày của ông B. Như vậy mặc dù có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng hai bên không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và hiện tại đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không hàn gắn được, nay ông B yêu cầu được ly hôn với bà L.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này…*". Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".*

Do đó quan hệ hôn nhân giữa ông B và bà L là không hợp pháp và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị L là có căn cứ.

[2]. *Về con chung*: Ông Nguyễn Văn B khai có con chung với bà Phạm Thị L là Nguyễn Tấn P, sinh năm 1996 và Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2001 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Nguyễn Văn B khai chưa yêu cầu, bà Phạm Thị L cũng chưa có văn bản nào trình bày về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, nhưng ông là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 227, 228, 238, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 14, 15, 16, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 12, 27 của Nghị quyết số 326, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị L.

[2]. *Về con chung*: Có 02 con chung là Nguyễn Tấn P, sinh năm 1996 và Nguyễn Thành Đ, sinh năm 2001 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Do chưa có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Miễn án phí cho ông Nguyễn Văn B theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*B trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006454 ngày 08/04/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

[5]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long*;
- *VKSND khu vực 2 –Vĩnh Long*;
- *Phòng THADS khu vực 2-Vĩnh Long*;
- *UBND xã B, tỉnh Vĩnh Long*;
- *Các đương sự*;
- *Lưu hồ sơ vụ án*.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bảo